

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01/2022/HNGĐ-PT**
Ngày: 02-12-2022
V/v: tranh chấp về thay đổi
người trực tiếp nuôi con sau
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hòa

Các Thẩm phán: ông Lò Văn Lịch.

Bà Đỗ Thu Hương.

- Thư ký phiên tòa: bà Vi Tố Uyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên: bà Nguyễn Thị Hòa - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 02 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2022/TLPT-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn*”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 47/2022/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 01/2022/QĐ-PT ngày 13 tháng 10 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐ-PT, ngày 28/10/2022, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2022/QĐ-PT, ngày 04/11/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên và Thông báo mở lại phiên tòa phúc thẩm số 06/TB-TA, ngày 16/11/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: anh Lê Hữu N - Sinh năm: 1989; địa chỉ: tiểu khu 7, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La, có mặt.

2. Bị đơn: chị Lò Thị Thu H - Sinh năm: 1994; địa chỉ: bản B, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Lò Thị Thu H: ông Dương Văn M, sinh năm 1982, Luật sư Công ty luật B thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: Nhà 2A, ngách 9, ngõ 28, đường Ý La, phường D, quận H, thành phố Hà Nội, có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn chị Lò Thị Thu H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Anh Lê Hữu N và chị Lò Thị Thu H ly hôn với nhau theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 85/2020/QĐST-HNGĐ ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, anh chị thỏa thuận chị H là người trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Lê Tùng L, sinh ngày 07/3/2016, anh N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/ 01 tháng.

Trong đơn khởi kiện và ý kiến của anh N trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm trình bày: kể từ sau khi ly hôn, anh Lê Hữu N đã về Điện Biên thăm cháu L nhiều lần nhưng chị H luôn gây khó khăn không cho gặp, thêm vào đó chị H đã nói với cháu L những điều không đúng về anh N và gia đình bên nội dẫn tới cháu L có ác cảm với anh N và bên nội. Chỉ đến khi anh N khởi kiện yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con thì chị H mới tạo điều kiện cho anh N gặp cháu L. Những việc làm trên của chị H đã vi phạm khoản 2, khoản 3 Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Mặt khác, hiện nay chị H đã lấy chồng và đang nuôi con nhỏ (khoảng 06 tháng tuổi) nên không có điều kiện về thời gian để chăm sóc cháu L; còn anh N hiện nay đang công tác tại Trạm biến áp 220KV Mường La- Truyền tải điện Tây Bắc 2 có thu nhập ổn định hơn 11 triệu đồng/ 01 tháng, đang ở với mẹ để có nhà ở ổn định. Thời gian làm việc của anh N theo ca nên có đủ điều kiện về thời gian, kinh tế để chăm sóc tốt cho cháu L, ngoài ra trong thời gian anh đi làm còn có mẹ đẻ chăm sóc giúp. Do đó, anh N đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con, anh cam đoan sẽ chăm sóc cháu Lê Tùng L với mọi điều kiện tốt nhất và không ngăn cản việc chị H qua lại thăm nom con chung.

Trong các văn bản gửi Tòa án cấp sơ thẩm chị Lò Thị Thu H trình bày: anh N không nghiêm chỉnh thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 85/2020/QĐST-HNGĐ ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, từ tháng 10/2020 đến tháng 5/2022 anh N chỉ thực hiện cấp dưỡng 07 lần, đặc biệt từ tháng 7/2021 đến tháng 5/2022 anh N không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H nữa. Mặc dù vậy, chị H vẫn tạo điều kiện cho anh N được nói chuyện với cháu L qua điện thoại, được thăm nom và đưa cháu L đi chơi. Anh N khởi kiện thay đổi người trực tiếp nuôi con với lý do là chị H đã lấy chồng và có con nhỏ chị H không chấp nhận. Vì chị có đủ điều kiện để tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Tùng L: chị có thu nhập ổn định lương hàng tháng từ 08-10 triệu đồng, chị H có chỗ ở ổn định; cháu L từ nhỏ đã sống với chị nên các nhu cầu, tính cách, sở thích của cháu chị H biết rõ, hiện nay cháu đang sống ổn định cùng chị và chồng mình. Do đó, chị không đồng ý thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 47/2022/HNGĐ-ST ngày 12/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên quyết định:

Căn cứ các Điều 58, 69, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 200 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Hữu N về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn:

2. Giao cháu Lê Tùng L - sinh ngày 07/3/2016 cho anh Lê Hữu N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu L đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc đến khi có thay đổi khác. Việc cấp dưỡng nuôi con chung anh N không đề nghị Tòa án giải quyết.

Chị Lò Thị Thu H có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở và có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con, các thành viên gia đình anh N không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị H.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

* Không xem xét giải quyết đối với yêu cầu phản tố của chị Lò Thị Thu H (về số tiền 13.000.000 đồng tại Đơn phản tố ngày 13/7/2022 của chị Lò Thị Thu H).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/8/2022, chị Lò Thị Thu H có đơn kháng cáo đối với toàn bộ bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 47/2022/HNGĐ-ST ngày 12/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên với lý do:

Thứ nhất: anh Lê Hữu N rất nhiều lần từ chối thực hiện việc cấp dưỡng cho cháu L với mức 1.000.000 đồng/ 01 tháng theo quyết định số 85/2020/HNGĐ-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án; từ khi ly hôn đến nay là 22 tháng nhưng anh N mới chỉ thực hiện việc cấp dưỡng có 07 lần, đặc biệt từ tháng 07/2021 đến nay anh N không thực hiện việc cấp dưỡng nữa. Mặt khác, thời điểm chị H đang mang thai cháu Lê Tùng L, anh N đã nhắn tin yêu cầu chị phá thai. Do đó, anh N có thực sự đủ điều kiện về mặt nhận thức, tình cảm yêu thương cháu Lê Tùng L hay không? Việc anh Lê Hữu N yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chỉ là thể hiện sự ích kỷ của bản thân, không phải là sự yêu thương cháu Lê Tùng L. Việc giao cháu Lê Tùng L cho anh Lê Hữu N trực tiếp nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo được quyền lợi và sự phát triển toàn diện của cháu.

Thứ hai: Cháu Lê Tùng L sống với chị H từ bé đã quen với sự chăm sóc, nuôi dưỡng và môi trường sống. Hiện nay, dù chị H đã lấy chồng và có con nhỏ, nhưng người chồng hiện tại của chị rất yêu thương cháu L, chị cũng có đủ điều kiện về vật chất và tinh thần để chăm sóc cháu L. Việc thay đổi người trực tiếp

nuôi dưỡng cháu L lúc này sẽ làm đảo lộn cuộc sống, môi trường sinh hoạt và tâm lý của cháu L.

Thứ ba: việc Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh N là làm đảo lộn cuộc sống của cháu Lê Tùng L và xâm hại quyền lợi ích hợp pháp của chị H là người sinh và chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L thời gian qua.

Chị Lò Thị Thu H đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của anh Lê Hữu N để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu Lê Tùng L và chị H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn anh Lê Hữu N giữ nguyên yêu cầu theo đơn khởi kiện, bị đơn chị Lò Thị Thu H giữ nguyên các lý do đã trình bày trong đơn kháng cáo và thay đổi nội dung kháng cáo như sau: chị H đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của anh Lê Hữu N. Cũng tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án như sau:

1. Cháu Lê Tùng L do chị Lò Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung, mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/ 01 tháng; hình thức cấp dưỡng là hàng tháng.

2. Về thời gian thăm gặp cháu L vào ban ngày trừ trường hợp đột xuất anh N phải báo lại thời gian cho chị H để sắp xếp. Về thời gian gọi điện nói chuyện với con, anh N hạn chế gọi trong khoảng thời gian từ 21 giờ 30 phút đến 22 giờ hàng ngày.

3. Hàng tuần anh N có thể lên Điện Biên để thăm gặp hoặc đón cháu L về Sơn La chơi, tuy nhiên cuối ngày Chủ Nhật thì anh N phải đưa cháu L giao cho chị H để đảm bảo việc học tập của cháu. Dịp lễ, tết anh N đưa con về Sơn La chơi hoặc đưa con đi chơi cùng cơ quan thì phải báo trước cho chị H biết thời gian cụ thể và đi trong bao nhiêu ngày.

4. Về địa điểm đón cháu L: anh N có thể đến cổng nhà chị H hoặc địa điểm khác gần nhà và gọi điện báo trước cho chị H để đưa cháu ra gặp anh N.

5. Về án phí: Anh N tự nguyện chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị H tự nguyện chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Lò Thị Thu H ông Dương Văn Mai, Luật sư đề nghị: tại phiên tòa phúc thẩm anh N và chị H tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, thỏa thuận này không trái pháp luật và trái đạo đức xã hội. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm và công nhận sự thỏa thuận của anh N và chị H.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm;

Về nội dung: Đơn kháng cáo của chị Lò Thị Thu H hợp lệ đúng theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị H và anh N tự

nguyện thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Thỏa thuận của chị H và anh N không trái pháp luật và trái đạo đức xã hội; do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 47/2022/HNGĐ-ST ngày 12/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu kháng cáo của chị Lò Thị Thu H, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng

Đơn kháng cáo của chị Lò Thị Thu H thực hiện đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là “*Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn*” theo quy định tại khoản 3 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét nội dung tự nguyện thỏa thuận của chị Lò Thị Thu H và anh Lê Hữu N.

Tại phiên tòa phúc thẩm Anh Lê Hữu N và chị Lò Thị Thu H thỏa thuận với nhau như sau:

(1). Cháu Lê Tùng L do chị Lò Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung, mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/ 01 tháng; hình thức cấp dưỡng là hàng tháng.

(2). Về thời gian thăm gặp cháu L vào ban ngày trừ trường hợp đột xuất anh N phải báo trước thời gian cho chị H để sắp xếp. Anh N hạn chế gọi điện thoại để thăm gặp cháu L trong khoảng thời gian từ 21 giờ 30 phút đến 22 giờ hàng ngày.

(3). Hàng tuần anh N có thể lên Điện Biên để thăm gặp hoặc đón cháu L về Sơn La chơi, tuy nhiên cuối ngày Chủ Nhật thì anh N phải đưa cháu L giao cho chị H để đảm bảo việc học tập của cháu. Dịp lễ, tết anh N đưa con về Sơn La chơi hoặc đưa con đi chơi cùng cơ quan thì phải báo trước cho chị H biết thời gian cụ thể và đi trong bao nhiêu ngày.

(4). Về địa điểm đón cháu L: anh N có thể đến cổng nhà chị H hoặc địa điểm khác gần nhà và gọi điện báo trước cho chị H để đưa cháu ra gặp anh N.

Hội đồng xét xử xét thấy, thỏa thuận giữa anh Lê Hữu N và chị Lò Thị Thu H là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định tại Điều 58, Điều 69, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình. Do đó, căn cứ quy định Điều 300 và khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm và công nhận

sự thỏa thuận của anh N và chị H. Đề nghị của VKSND tỉnh Điện Biên và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị H tại phiên tòa là có căn cứ, HĐXX chấp nhận.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí: Căn cứ quy định tại Điều 147, Điều 148; khoản 2 Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: công nhận sự thỏa thuận tự nguyện chịu án phí của anh N và chị H như sau: Anh N chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; chị H chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 47/2022/HNGĐ-ST ngày 12/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Áp dụng Điều 58, Điều 69, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148, Điều 271, Điều 272, Điều 273, khoản 2 Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Giao cháu Lê Tùng L, Sinh ngày 07/3/2016 cho chị Lò Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu thành niên và có khả năng lao động hoặc đến khi có thay đổi khác. Anh Lê Hữu N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000đồng/01 tháng; phương thức cấp dưỡng là hàng tháng. Thời điểm bắt đầu cấp dưỡng: ngày 02/12/2022.

Về việc thăm gặp con chung, chị H và anh N thỏa thuận:

- Anh Lê Hữu N thực hiện thăm gặp cháu L vào ban ngày trừ trường hợp đột xuất anh N phải báo trước thời gian cho chị H biết để sắp xếp. Anh N hạn chế gọi điện thoại để thăm gặp cháu L trong khoảng thời gian từ 21 giờ 30 phút đến 22 giờ hàng ngày.

- Hàng tuần anh N có thể thăm gặp hoặc đón cháu L về Sơn La chơi, đến cuối ngày Chủ Nhật anh N phải đưa cháu L giao cho chị H để đảm bảo việc học tập của cháu. Dịp nghỉ lễ, tết anh N đón cháu L về Sơn La chơi hoặc đưa cháu L đi chơi cùng anh N thì phải báo trước cho chị H biết thời gian cụ thể.

- Về địa điểm đón cháu L: anh N có thể đến công nhà chị H hoặc địa điểm khác gần nhà chị H và gọi điện báo trước cho chị H để đưa cháu L ra gặp anh N.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+) Anh Lê Hữu N chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004973, ngày 16/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Anh N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm: chị Lò Thị Thu H chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005045 ngày 26/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Điện Biên;
- TAND huyện Điện Biên;
- Chi cục THADS huyện Điện Biên;
- UBND xã Thanh Hưng;
- Các đương sự;
- Người BVQ & LIHP của DS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Hòa